TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2020/DS-ST
Ngày: 29-5-2020
"V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Kiều Oanh

2. Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 332/2019/TLST- DS ngày 11 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2020/QĐST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị H, sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ: ấp N C, xã Đ1, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: - Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1975 (vắng mặt);

- Ông Bùi Phước L, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp L15, xã H Y, huyện AB, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong các đơn khởi kiện ngày 07/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị H trình bày và yêu cầu như sau*:

Bà có tham gia góp hụi của bà Nguyễn Thị Th làm chủ 08 dây hụi cụ thể như sau:

1- Ngày 02/01/2014 âl, bà Nguyễn Thị Th có mở dây hụi loại hụi 1.000.000 đồng, gồm có 25 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 02 hàng tháng, bà tham gia góp 01 phần góp được 23 lần hụi sống, thì đến ngày 02/10/2015 âl bà Th tuyên bố dừng hụi (do nhừng 02 tháng 9), nếu bà được lĩnh hụi số tiền là 23.000.000 đồng, trừ hoa hồng 500.000 đồng, bà Th còn nợ bà dây góp hụi này là 22.500.000 đồng.

2- Ngày 25/3/2014 âl, bà Nguyễn Thị Th có mở dây hụi loại hụi 1.000.000 đồng, gồm có 25 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 25 hàng tháng, bà tham gia góp 01 phần góp được 20 lần hụi sống, thì đến ngày 10/2015 âl bà Th tuyên bố dừng hụi (do nhừng 02 tháng 9), nếu bà được lĩnh hụi số tiền là 20.000.000 đồng, trừ hoa hồng 500.000 đồng, bà Th còn nợ bà dây góp hụi này là 19.500.000 đồng.

3- Ngày 30/7/2014 âl, bà Nguyễn Thị Th có mở dây hụi loại hụi 1.000.000 đồng, gồm có 25 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 30 hàng tháng, bà tham gia góp 03 phần góp được 16 lần hụi sống, thì đến ngày 02/10/2015 âl bà Nguyễn Thị Th tuyên bố dừng hụi (do nhừng 02 tháng 9), nếu bà được lĩnh hụi số tiền là 48.000.000 đồng, trừ hoa hồng 1.500.000 đồng, bà Th còn nợ bà dây góp hụi này là 46.500.000 đồng (1.000.000 đồng/ phần x 16 lần x 03 phần).

4- Ngày 30/9/2014 âl, bà Nguyễn Thị Th có mở dây hụi loại hụi 1.000.000 đồng, gồm có 25 phần, mỗi tháng mở 02 lần vào ngày 30 hàng tháng, tham gia góp 02 phần góp được 13 lần hụi sống, thì đến ngày 02/10/2015 âl bà Th tuyên bố dừng hụi (do nhừng 02 tháng 9), nếu bà được lĩnh hụi số tiền là 26.000.000 đồng, trừ hoa hồng 1.000.000 đồng, bà Th còn nợ bà dây góp hụi này là 25.000.000 đồng (1.000.000 đồng/ phần x 13 lần x 02 phần).

5- Ngày 10/01/2015 âl, bà Nguyễn Thị Th có mở dây hụi loại hụi 1.000.000 đồng, gồm có 25 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 10 hàng tháng, bà tham gia góp 01 phần góp được 10 lần hụi sống, thì đến ngày 02/10/2015 âl bà Th tuyên bố dừng hụi, nếu bà được lĩnh hụi số tiền là 10.000.000 đồng, trừ hoa hồng 500.000 đồng, bà Th còn nợ bà dây góp hụi này là 9.500.000 đồng.

6- Ngày 20/02/2015 âl, bà Nguyễn Thị Th có mở dây hụi loại hụi 1.000.000 đồng, gồm có 25 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 20 hàng tháng, bà thamn gia 02 phần góp được 08 lần hụi sống, thì đến ngày 02/10/2015 âl bà Th tuyên bố dừng hụi, nếu bà được lĩnh hụi số tiền là 16.000.000 đồng, trừ hoa hồng 1.000.000 đồng, bà Th còn nợ bà dây góp hụi này là 15.000.000 đồng.

7- Ngày 18/4/2015 âl, bà Nguyễn Thị Th có mở dây hụi loại hụi 1.000.000 đồng, gồm có 25 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 18 hàng tháng, bà tham gia góp 02 phần góp được 07 lần hụi sống, thì đến ngày 02/10/2015 âl bà Th tuyên bố dừng hụi, nếu bà được lĩnh hụi số tiền là 14.000.000 đồng, trừ hoa hồng 1.000.000 đồng, bà Th còn nợ bà dây góp hụi này là 13.000.000 đồng (1.000.000 đồng/ phần x 07 lần x 02 phần).

8- Ngày 15/6/2015 âl, bà Nguyễn Thị Th có mở dây hụi loại hụi 1.000.000 đồng, gồm có 25 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 20 hàng tháng, bà tham gia góp 02 phần góp được 05 lần hụi sống, thì đến ngày 02/10/2015 âl bà Th tuyên bố dừng hụi, nếu bà được lĩnh hụi số tiền là 10.000.000 đồng, trừ hoa hồng 1.000.000 đồng, bà Th còn nợ bà dây góp hụi này là 9.000.000 đồng.

Tổng 08 dây hụi 14 phần hụi bà tham gia góp, bà Th nợ bà số tiền là 160.000.000 đồng. Sau khi tuyên bố dừng hụi, bà Th có thỏa thuận là hứa trả tiền hụi còn nợ bà nhưng không có làm văn bản giấy tờ gì, bà Th trả đến năm 2017 bà Th còn nợ lại bà số tiền 142.000.000 đồng, khi đó bà Th hẹn trả cho bà mỗi tháng 3.000.000 đồng nhưng chỉ trả được 17.000.000 đồng, từ tháng 08 năm 2018 đến nay không trả nữa. Nay bà yêu cầu bà Th và ông L phải trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 125.000.000 đồng, ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

** Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 24/4/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày như sau*:

Bà có tham gia góp hụi với bà Trương Thị H như bà H yêu cầu vợ chồng bà trả, vụ việc nói trên trước đây đã được chính quyền địa phương giải quyết, khi đó vợ chồng bà và bà H có đối chiếu xác định nợ, vợ chồng bà còn nợ bà H 142.000.000 đồng, vợ chồng bà cam kết mỗi tháng trả cho bà Hường 3.000.000 đồng, sau đó bà trả được 17.000.000 đồng không có khã năng trả như thỏa thuận, bà hẹn đến cuối năm 2019 trả 5.000.000 đồng nữa nhưng bà H không đồng ý. Bà xác định bà còn nợ bà H số tiền hụi là 125.000.000 đồng, bà đồng ý trả cho bà H số tiền hụi còn nợ là 125.000.000 đồng, bà hẹn trả mỗi tháng 2.000.000 đồng, trả đến khi hết số tiền hụi còn nợ nói trên.

** Bị đơn ông Bùi Phước L*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Bùi Phước L biết để ông Bùi Phước L có ý kiến về việc bà H yêu cầu ông và bà Th trả số tiền hụi còn nợ nhưng ông L không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên Toà án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm*: Giấy chứng

minh nhân dân Trương Thị H, Sổ hộ khẩu hộ, Biên bản hòa giải ngày 25-7-2017 của ấp L15.

** Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn bà Trương Thị H yêu cầu bà Th và ông L phải trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 125.000.000 đồng, trả đủ 01 lần, ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Th và ông Bùi Phước L vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu tập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tống đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 239 và Điều 247 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Trương Thị H thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của bà H đòi bà Th và ông L trả tiền hụi còn nợ là 125.000.000 đồng thì bà Th cũng đồng ý, ông L không có ý kiến yêu cầu gì là có căn cứ chấp nhận và phù hợp quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 30 của Nghị định số: 144/2006/NĐ- CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 về họ, hụi, biêu, phường. Bà H không yêu cầu bà Th và ông L trả tiền lãi chậm trả, đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Trương Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Th và ông Bùi Phước L trả tiền góp hụi còn nợ. Bị đơn bà Th và ông L cư trú tại: ấp L15, xã HY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Th và ông L biết và ấn định thời gian để cho bà Th và ông L có ý kiến về việc bà H khởi kiện đối với ông bà trả tiền hụi nhưng bà Th và ông L không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà Th và ông L vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 206 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Th và ông L nhưng bà Th và ông L vắng mặt lần thứ nhất không lý do. Tại phiên toà lần thứ hai bà H không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Th và ông L theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét khởi kiện của bà H yêu cầu bà Th và ông L trả tiền hụi còn nợ là 125.000.000 đồng thì bà Th cũng đồng ý trả nhưng bà hẹn trả mỗi tháng 2.000.000 đồng, trả cho đến khi hết số nợ nói trên, ông L không có ý kiến yêu cầu gì, lời trình bày và yêu cầu của các đương sự phù hợp với nhau về số tiền hụi mà bà Th và ông L còn nợ bà H, phù hợp với biên bản hòa giải của ấp L15 ngày 25/7/2017 theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và yêu cầu của bà H, buộc bà Th và ông L phải trả số tiền hụi phải góp cho bà H là 125.000.000 đồng theo quy định tại Điều 29 của Nghị định số: 144/2006/NĐ- CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 về họ, hụi, biêu, phường.

Bà Trương Thị H không yêu cầu bà Nguyễn Thị Th và ông Bùi Phước L trả tiền lãi chậm trả nên không xem xét.

[4] Về án phí, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 206, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghi quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Th và ông Bùi Phước L trả cho bà Trương Thị H số tiền hụi phải góp là 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng). Bà Trương Thị H không yêu cầu bà Nguyễn Thị Th và ông Bùi Phước L trả tiền lãi chậm trả nên không xem xét.

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Th và ông Bùi Phước L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.250.000 đồng (125.000.000 đồng x 5%).

Bà Trương Thị H không phải chị án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Trương Thị H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.125.600 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008253 ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 29/5/2020. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- CC THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA (Mau).

Trần Văn Thảo